TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NAM
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2018/HS-ST
Ngày 04 - 6 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Linh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Từ Minh H;

2. Bà Nguyễn Thị Hoan.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương - Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Thành, Kiểm sát viên.

Trong ngày 31/5 và ngày 04/6/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 13/2018/HSST ngày 12/3/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2018/QĐXXST - HS ngày 18/5/2018 đối với các bị cáo:

1. Bị cáo Trần Văn D, sinh năm 1993; Nơi ĐKHKTT: Xã T, huyện N, tỉnh Bắc Giang; Nơi ở: Thôn Hà Phú, xã T, huyện N, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 8/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị H; Nhân thân: Tháng 6/2013 bị Công an thành phố Bắc Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Tháng 9/2013 Công an huyện N xử phạt vi phạm hành chính hành vi trực tiếp xâm hại đến sức khỏe của người khác; Tại Bản án số 89/2017/HSST ngày 27/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện N xử phạt Trần Văn D 08 tháng từ về tội "Trộm cắp tài sản"; Tiền sự: Không; Tiền án: Tại Bản án số 78/HSST ngày 10/9/2014 của Tòa án nhân dân huyện N xử phạt Trần Văn D 24 tháng tù về tội "Tàng trữ, vận chuyển trái phép chất ma túy", đến ngày 29/02/2016 D chấp hành xong hình phạt tù. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/12/2017, đến ngày 04/01/2018 được tại ngoại. Hiện cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N ra quyết định truy nã số 03 ngày 13/4/2018 "vắng mặt".

2. Bị cáo Đỗ Văn B, sinh năm 1984; Nơi ĐKHKTT: Xã S, huyện N, tỉnh Bắc Giang; Nơi ở: Thôn P, xã S, huyện N, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá: 9/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đỗ Văn Q và bà Nguyễn Thị Q; Có vợ Nguyễn Thị L và 02 con, con lớn sinh năm 2009, con nhỏ sinh năm 2016; Nhân thân: Tại Bản án số 10/HSST ngày

30/3/2007 của Tòa án nhân dân huyện N xử phạt Đỗ Văn Bbị 12 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản"; Tháng 8/2008 bị Công an thành phố Bắc Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Tại Bản án số 89/2017/HSST ngày 27/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện N xử phạt Đỗ Văn B10 tháng từ về tội "Trộm cắp tài sản"; Tiền sự không; Tiền án: Tại Bản án số 230/HSST ngày 20/10/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Giang xử phạt Đỗ Văn B30 tháng tù về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Đỗ Văn Bđã nộp 200.000 đồng tiền án phí HSST và nộp phạt 1.000.000 đồng trong tổng số 5.000.000đ tiền phạt bổ sung. Bị can bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/12/2017 đến nay, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang "có mặt".

- *Bị hại:* Anh Vũ Văn H, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thị Tứ O, xã O, N, Bắc Giang "vắng mặt".

- *Người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Đỗ Văn Q, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn P, xã S, N, Bắc Giang "vắng mặt".

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào 14 giờ ngày 23/12/2017 D chở Bđi chơi bằng xe mô tô kiểu xe Wave màu xanh không có giấy đăng ký và biển kiểm soát của Biên. Khi đến ngã tư Thị tứ O, xã O, huyện N, D rẽ pH vào tỉnh lộ 295 hướng đi thị trấn Vôi, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang với mục đích xem nhà ai sơ hở thì trộm cắp tài sản. D phát hiện ở bên pH đường có một cửa hàng sửa chữa điện tử điện lạnh của anh Vũ Văn H, sinh năm 1985 ở thị tứ O, xã O, huyện N, tỉnh Bắc Giang đang khóa cửa, D đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. D đỗ xe lại quan sát rồi bảo B"Anh đứng bên ngoài chờ để em xem có gì không" Bhiểu ý D nghĩa là có tài sản gì không để trộm cắp, Bđồng ý bảo "ừ". D một mình đi vào và trộm cắp 01 chiếc ti vi nhãn hiệu SONY KDL-40R, màn hình LCD 42" và bê chiếc ti vi vừa trộm cắp được ra đặt lên xe rồi bảo với B"Bây giờ đem đi đâu bán?", Bnói "Không có chỗ nào bán, thôi đem về nhà anh để đã" D đồng ý. Sau đó D điều khiển xe mô tô còn Bngồi phía sau ôm chiếc ti vi vừa trộm cắp được đi thẳng về nhà Bở thôn P, xã S, huyện N. Lúc này nhà Bkhông có ai ở nhà, Bbê chiếc ti vi cất vào nhà ngang của gia đình. Khoảng 02 đến 03 ngày sau Bmang chiếc tivi trộm cắp được sang nhà anh Q nói với anh Q "Thằng bạn cắm cho chiếc ti vi cũ không lấy nữa anh xem có dùng được thì dùng" anh Q đồng ý mượn chiếc ti vi đó để sử dụng.

Ngày 02/01/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện N ra Quyết định trưng cầu định giá tài sản đối với tang vật của vụ trộm cắp tài sản nêu trên. Cùng ngày, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện N kết luận: 01 chiếc ti vi nhãn hiệu SONY KDL-40R, màn hình LCD 42" có giá trị còn lại là 6.800.000 đồng.

Ngày 22/01/2018 Cơ quan điều tra tiến hành thực nghiệm điều tra lại diễn biến của vụ án theo lời khai của bị hại và các bị cáo. Kết quả thực nghiệm, các bị cáo đã diễn tả lại hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của người bị hại và các chứng cứ khác thu thập được trong quá trình điều tra.

Bị cáo Btrong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên. Đối với bị cáo D vắng mặt tại phiên tòa, Hội đồng xét xử công bố lời khai của bị cáo D trong quá trình điều tra, D đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Ngày 28/12/2017 anh Vũ Văn H làm đơn trình báo đến Công an huyện N, tỉnh Bắc Giang về việc ngày 23/12/2017 bị kẻ gian đột nhập vào nhà trộm cắp 01 chiếc ti vi nhãn hiệu SONY KDL-40R, màn hình LCD 42". Nay bị hại anh H đã nhận được tài sản và không yêu cầu bồi thường.

Bản cáo trạng số 13/KSĐT ngày 09/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Bắc Giang đã truy tố bị cáo Đỗ Văn Biên, Trần Văn D về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự 1999.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N thực hành Q công tố tại phiên tòa xét xử sơ thẩm, giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật như đã viện dẫn ở trên, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đỗ Văn Biên, Trần Văn D phạm tội " trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự 1999:

Xử phạt bị cáo Trần Văn D từ 12 đến 15 tháng tù. Tổng hợp hình phạt 08 (tám) tháng tù tại bản án số 89/2017/HSST ngày 27/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện N, buộc bị cáo pH chịu hình phạt chung cho cả hai bản án. Thời hạn tù tính từ ngày từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam (Từ ngày 15/8/2017 đến 07/9/2017 của bản án số 89/2017/HSST ngày 27/12/2017 và từ ngày 29/12/2017, đến ngày 04/01/2018).

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn Btừ 09 đến 12 tháng tù. Tổng hợp hình phạt 10 (mười) tháng tù tại bản án số 89/2017/HSST ngày 27/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện N, buộc bị cáo pH chịu hình phạt chung cho cả hai bản án. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 29/12/2017 nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam tại bản án số 89/2017/HSST ngày 27/12/2017 (Từ ngày 17/8/2017 đến 07/9/2017).

Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 Chiếc xe mô tô kiểu Wave màu sơn xanh.

Ngoài ra còn đề xuất về án phí, Q kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm Q, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoạc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tố tụng:

Tại phiên toà bị cáo Trần Văn D vắng mặt. Hiện bị cáo bỏ trốn, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N ra quyết định truy nã số 03 ngày 13/4/2018 đối với bị cáo D, đến ngày xét xử chưa có kết quả truy nã. Căn cứ vào điểm a khoản 2 điều 290 Bộ luật tố tụng hình sự, Tòa án tiến hành xử vắng mặt bị cáo D.

[3] Về chứng cứ xác định có tội của các bị cáo:

Trong quá trình điều tra bị cáo D khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân. Tại phiên tòa bị cáo Bcũng khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như cáo trạng truy tố. Lời khai của bị cáo Bphù hợp với lời khai của bị cáo D tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N, lời khai của bị hại, cùng toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ. Như vậy có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng hơn 14 giờ ngày 23/12/2017, tại Thị tứ O, xã O, huyện N, tỉnh Bắc Giang, Trần Văn D và Đỗ Văn Bđã lợi dụng sơ hở, lén lút cùng nhau trộm cắp của gia đình anh Vũ Văn H 01 chiếc ti vi nhãn hiệu SONY KDL-40R, màn hình LCD 42" có trị giá là 6.800.000 đồng. Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến Q sở hữu tài sản được pháp luật bảo vệ. Vì vậy đã đủ yếu tố cấu thành tội " Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự 1999.

Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N đã truy tố và bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật nên Hội đồng xét xử xem xét và chấp nhận.

[3] Đánh giá tính chất mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Đánh giá vai trò của các bị cáo: Trong vụ án này các bị cáo phạm tội không có tổ chức mà chỉ là đồng phạm giản đơn. D là người nảy sinh ý định và thực hiện hành vi trộm cắp. Bị cáo Bvới vai trò giúp sức chở tài sản trộm cắp đi giấu. Vì vậy vai trò của D trong vụ án này là tích cực hơn so với Biên.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo D và bị cáo Bđã bị kết án, chưa được xóa án tích mà lại phạm tội nên các bị cáo đều bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự " tái phạm" theo quy định tại điểm g khoản 1 điều 48 Bộ luật hình sự 1999.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Sau khi phạm tội đã ra đầu thú nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999.

Căn cứ vào tính chất nguy hiểm hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm bất hợp pháp đến tài sản của người khác, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Do vậy cần pH cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên các bị cáo có tình tiết giảm nhẹ, Hội đồng xét xử xét thấy cần giảm phần nào hình phạt cho các bị cáo thể hiện sự khoan hồng của Nhà nước ta. Xét mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

Về hình phạt bổ sung bằng hình phạt tiền, do các bị cáo không có nghề nghiệp và không có thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho các bị cáo.

[4]Về xử lý vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô kiểu Wave màu sơn xanh là công cụ, phương tiện phạm tội cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước theo khoản 1, điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

[5] Về vấn đề bồi thường thiệt hại: Bị hại không yêu cầu bồi thường nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về những vấn đề khác:

Ngoài hành vi trộm cắp cùng với Trần Văn D đã nêu trên, quá trình điều tra Đỗ Văn Bcòn khai ngày 26/11/2017 đã cùng Nguyễn Văn Lâm, sinh năm 1991 trú tại Khu phố Vườn Hoa, thị trấn N, huyện N, tỉnh Bắc Giang trộm cắp 01 chiếc ti vi nhãn hiệu SONY KLV- 40R452A màn hình LCD 40” ở thôn Đọ Mới, xã S, huyện N, tỉnh Bắc Giang. Hiện Nguyễn Văn Lâm đang bỏ trốn, Cơ quan cảnh sát điều tra- Công an huyện N đã khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Đỗ Văn Btrong vụ án khác để điều tra xử lý theo quy định của pháp luật.

Đối với anh Đỗ Văn Q không biết chiếc ti vi do Bgửi là do trộm cắp mà có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí và Q kháng cáo: Các bị cáo pH chịu án phí và có Q kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a, khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Đối với bị cáo Bdo thuộc hộ nghèo nên được miễn án phí theo điểm đ, khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Trần Văn D, Đỗ Văn Bphạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng điểm a, khoản 2 Điều 290 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1 Điều 138; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20; Khoản 1 Điều 51; Điều 53; Điều 33 Bộ luật hình sự 1999:

Xử phạt bị cáo Trần Văn D 13 (mười ba) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 08 (tám) tháng tù tại bản án số 89/2017/HSST ngày 27/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện N, buộc bị cáo pH chịu hình phạt chung 21 (Hai mươi mốt) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày từ ngày bắt thi hành án nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam (Từ ngày 15/8/2017 đến 07/9/2017 của bản án số 89/2017/HSST ngày 27/12/2017 và từ ngày 29/12/2017 đến ngày 04/01/2018).

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn B10 (Mười) tháng tù. Tổng hợp hình phạt 10 (mười) tháng tù tại bản án số 89/2017/HSST ngày 27/12/2017 của Tòa án nhân dân huyện N, buộc bị cáo pH chịu hình phạt chung 20 (Hai mươi) tháng tù. Thời hạn tù tính từ

ngày tạm giữ, tạm giam 29/12/2017 nhưng được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam tại bản án số 89/2017/HSST ngày 27/12/2017 (Từ ngày 17/8/2017 đến 07/9/2017).

2. Xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1; Điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 Chiếc xe mô tô kiểu Wave màu sơn xanh.

3. Về án phí và Q kháng cáo: Áp dụng khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136; Điều 331; Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm đ, khoản 1 Điều 12; Điểm a, khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án:

Bị cáo Trần Văn D pH chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm . Miễn án phí cho bị cáo Biên.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được Q kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị cáo,bị hại, người có Q lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được Q kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tống đạt hợp lệ bản án.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện N;
- Công an huyện N;
- Chi cục THADS huyện LN;
- UBND xã T, S;
- Bị cáo, bị hại.
- Lưu: VP và hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Linh